TEST 2

I. NGỮ ÂM: (1 điểm) ***Chọn từ mà phần phần gạch chân có cách phát âm khác với 3 từ còn lại:***

1.	A. where	B. who	C. what	D. why
2.	A. cheap	B. character	C. children	D. church
3.	A. humor	B. hug	C. plumber	D. erupt
4.	A. looked	B. missed	C. watched	D. wanted

II. NGỮ PHÁP: (3 điểm)

A. Chọn đáp án thích hợp nhất (A, B, C hoặc D) để hoàn thành các câu sau:

1. We should _____all the electric appliances when leaving our room.
   A. turn off *B. turning off* *C. turn on* *D. turning on*
2. You don't like tea, _____?
   A. do you *B. isn't it* *C. don't you* *D. are you*
3. He can't go to see his friends. He hasn't got _____ time.
   A. a *B. many* *C. much* *D. a lot*
4. I haven't heard from you _____ a long time.
   A. since *B. for* *C. in* *D. at*
5. Bod failed his physics test. _____, he has to do the test again.
   A. So *B. However* *C. Because* *D. Therefore*
6. The man _____ helped us last week is a doctor.
   A. which *B. whom +N(S)* *C. who + V* *D. whose*

B. Cho dạng đúng của động từ trong ngoặc để hoàn thành các câu sau:

1. My father **(be)** _____ a doctor. He **(work)** _____ in a hospital in Thanh Hoa City every day.
2. He had a bad fall while he **(repair)** _____ his roof.
3. I suggest **(have)** _____ a separate wastebasket for waste paper.
4. Why _____ Huy **(not want)** _____ to play soccer last Sunday?
5. If I had enough money, I **(buy)** _____ that hat.

III. TỪ VỰNG: (1 điểm)

Chọn từ đúng trong ngoặc điền vào chỗ trống để hoàn thành các câu sau:

1. You must be _____ when you open that door. ***(careful / carefully)***
4. He is _____ in playing soccer. ***(interesting / interested)***
2. It was one of the most _____earthquake in Japan. ***(dangerous / dangerously)***
4. _____, people eat sticky rice cakes at Tet. ***(traditional / traditionally)***

IV. ĐỌC HIỂU: (2,5 điểm)

A. Điền vào chỗ trống được đánh số bằng một từ thích hợp trong hộp để hoàn thành đoạn văn sau:

with	*forecast*	*that*	*experiences*	*temperatures*

Hoa's grandma likes watching the weather (1) _____ on TV. The weather in Ha Noi is often mild. The (2) _____ in Ha Noi are often between 26°C and 30°C. However, they are much lower between December and February. Ho Chi Minh City often (3) _____ higher temperatures than those of Ha Noi and Hue. Thunderstorms, (4) _____ lightings and heavy rains, often take place along the south-central coast. The Cuu Long Delta experiences sunny weather almost all the year around. However, in this area, there are sometimes heavy rains and floods (5) _____ cause a lot of damage to the crops.

B. Đọc kỹ đoạn văn và trả lời các câu hỏi sau:

Thank you for calling the North London Arts Cinema. It opens 7 days a week, showing a

LIVEWORKSHEETS

variety of British and foreign films.

Next week we still show an Italian film called "Midnight Meeting". It is set in the 1950s. You can see that film from Monday to Thursday. It will be on twice a day in the evenings. That is 6.45 and 9.15. The film lasts for two hours and fifteen minutes. Tickets are $4, but there is a special student ticket at $2.80 for all our midweek films. Please bring student cards if you want the cheaper ticket.

The nearest car park to the cinema is in Victory Street. It's just five-minute walk from the cinema.

Thank you for calling the North London Arts Cinema. If you require further information, phone during office hours – 9 am to 4.30 pm, Monday to Friday.

**** Questions***

1. How many days a week does the North London Arts Cinema open?

→……

2. What is the title of the film next week?

→……

3. How long does the film last?

→……

4. What do students have to do if they want the cheaper ticket?

→……

5. *How long does it take to walk from the car park to the cinema?*

→……

V. VIẾT: (2.5 điểm)

A. Viết lại các câu sau bằng từ gợi ý sao cho nghĩa của câu không thay đổi:

1. They have visited their grandparents for over a week. (passive voice)

→ ……

2. Let's go camping next week.

Why don't ……?

What about ……?

3. You have to do this exercise carefully.

⇨ This exercise ……

4. She couldn't buy that new bike because she didn't have enough money.

⇨ If she ……

5. Jane asked Mary "Do you check emails everyday?"

Jane asked Mary (that) ……

B. Hoàn thành các câu sau bằng các từ gợi ý:

1. How far/ it/ your house/ the school?

……

2. It / be/ necessary/ practice English / every day /.

……

C. Sắp xếp từ, cụm từ thành câu hoàn cảnh dùng từ gợi ý:

LIVEWORKSHEETS

1. very/ is/ in/ stamps/ Hoa/ interested/ collecting.

……..

2. people/ in/ How/ your/ are/ many/ family/ there/?

……

3. worn/ He/ same/ the/ has/ here/ he/ old/ moved/ since/ coat.

→ ……

_____ THE END _____

LIVEWORKSHEETS